

Bản án số: **1070/2019/KDTM-PT**

Ngày: 21/11/2019

V/v: t/c Hợp đồng dịch vụ
và vận chuyển

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hà Thanh Thủy**

Các thẩm phán: 1. Bà **Vũ Thị Thu Hà**.

2. Bà **Trương Thị Thảo**.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Hồ Thị Kim Oanh** – Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Thân Trọng Minh Phương** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 tháng 11 năm 2018 và ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 84/2019/KDTM-PT ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ và vận chuyển”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 19/2019/KDTM-ST ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4787/2019/QĐPT-KDTM ngày 09 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 8549/2019/QĐ-HPT ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty TNHH B**.

Địa chỉ: đường 6, phường HBC, quận TD, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: ông Đào Hiền D

Đại diện theo ủy quyền: bà Đỗ Ng Th P (có mặt).

Trụ sở: đường HBT, phường 6, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Thanh T – Thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: **Công ty TNHH TD**.

Trụ sở: đường PVH, phường TTN, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông O (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Ngô Trọng H – Luật sư thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông O.

Địa chỉ: đường PVH, phường TTN, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người phiên dịch: ông Phạm Tấn A (có mặt).

Địa chỉ: đường TKC, phường 15, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Công ty TNHH TD và ông O.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 8 năm 2016, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: từ năm 2012 Công ty TNHH B (gọi tắt là Công ty B) và Công ty TNHH TD có hợp tác trong việc vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không và đường biển. Đến ngày 05/01/2015 hai bên có ký hợp đồng vận chuyển số 01/HDVC, theo nội dung của hợp đồng thì Công ty B nhận vận chuyển hàng hóa bằng đường biển và đường hàng không cho Công ty TNHH TD từ Việt Nam đến các nước mà Công ty TNHH TD yêu cầu. Ngoài ra do ông O là giám đốc của Công ty TNHH TD đã làm tờ “Cam kết đảm bảo” với nội dung sẽ dùng toàn bộ tài sản cá nhân của ông để đảm bảo thanh toán cho Công ty TNHH TD.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 22/02/2016 thì hai bên đã ký biên bản đối chiếu công nợ với nội dung Công ty TNHH TD còn nợ Công ty B số tiền tổng cộng là 304.708,86 USD trong đó bao gồm phí dịch vụ và gia hạn làm visa, cước đường biển, cước hàng không gọi chung là cước hàng không. Từ khi các bên ký xác nhận công nợ tính đến ngày 04/9/2016 thì Bị đơn - Công ty Món quà Thượng Đế đã trả được cho Nguyên đơn - Công ty B số tiền là 17.812,38 USD còn lại là 286.896,22 USD. Nay Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện đến Tòa án yêu cầu Bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền cước vận chuyển còn nợ là 286.896,22 USD theo tỷ giá USD hiện là 23.250 đồng/1USD tương đương số tiền 6.670.337.115 đồng và tiền lãi chậm trả là 2.534.728.104 đồng theo lãi suất 1%/ tháng từ ngày 9/3/2016 đến ngày 08/5/2019. Tổng cộng là 9.205.065.219 đồng (làm tròn là 9.205.000.000 đồng). Bị đơn phải tiếp tục thanh toán lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ. Nếu Bị đơn không thanh toán khoản tiền trên thì ông O có nghĩa vụ liên đới trả toàn bộ số tiền nợ trên cho đến khi trả hết nợ.

Trình bày của bị đơn là Công ty TNHH TD: Bị đơn xác nhận có hợp tác với bên nguyên đơn trong việc nhờ bên Nguyên đơn thực hiện vận chuyển hàng hóa cho Bị đơn. Tuy nhiên do tin tưởng nên Bị đơn đã ký không nhiều giấy tờ và giao toàn bộ con dấu cho Nguyên đơn để Nguyên đơn làm các thủ tục vận chuyển hàng hóa cũng như các thủ tục khác. Cũng vì vậy Nguyên đơn đã giả mạo toàn bộ giấy tờ trên. Bị đơn xác nhận thực tế số tiền mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 221.165,93 USD theo đúng các vận đơn đường hàng không mà các bên có ký xác nhận trên sổ của mỗi bên. Ngoài ra Bị đơn có đưa ra chứng cứ là các tin nhắn về việc đã thanh toán tiền xong và Nguyên đơn có xác nhận bằng tin nhắn cho Bị đơn. Vì vậy nếu Nguyên đơn đồng ý thỏa thuận thì Bị đơn sẽ thanh toán Nguyên đơn số tiền còn thiếu khoảng 50.000 USD trong thời gian 02 tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Thanh T : Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để đòi số tiền theo biên bản đối chiếu công nợ cước hàng không các bên đã ký ngày 22/02/2016, còn tại sao có xác nhận công nợ trên là do các bên sau khi đối chiếu các khoản đã thanh toán và chưa thanh toán từ năm 2013 cho đến khi ngày xác nhận công nợ thì các bên cần trừ các khoản đã thanh toán vào các khoản chưa thanh toán trước đây để xác định khoản còn nợ lại là bao nhiêu để cùng quy về khoản nợ cước hàng không và nay bên Nguyên đơn chỉ đòi theo tiền cước hàng không vì các bên đã cùng xác nhận chuyển tất cả các khoản nợ thành cước hàng không và đã có ký tên đóng dấu của hai công ty. Còn việc Bị đơn xác nhận là không có ký xác nhận trên thì đã được chứng minh bằng kết luận giám định chữ ký của cơ quan có thẩm quyền rồi. Đề nghị được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.. Đề nghị Tòa án tiếp tục duy trì các biện pháp ngăn chặn đã được áp dụng về việc cấm xuất cảnh đối với ông O và phong tỏa tài sản là nhà và xe của Công ty TNHH TD để đảm bảo việc trả nợ.

Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn – ông Ngô Trọng H: Đề nghị chỉ xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đòi tiền cước hàng không theo các hóa đơn xác nhận bằng biên bản đối chiếu ngày 22/02/2016 mà không phải đòi nợ tất cả các khoản khác từ tháng 11 năm 2013. Hai bên công ty không hề ký với nhau bất kỳ văn bản nào về việc hợp tác làm ăn cũng như xác nhận công nợ. Việc các bên thanh toán với nhau đã được thể hiện rõ trong sổ sách của các bên và Bị đơn đã thanh toán cho từng hóa đơn hàng không rồi. Số nợ hiện tại chỉ khoảng 50.000USD thôi. Đồng thời theo trình bày của Nguyên đơn thì sổ xác nhận cước mà Bị đơn đã cung cấp cho Hội đồng xét xử thì đã thanh toán toàn bộ các khoản nợ cước rồi. Ngoài ra bên Nguyên đơn nại ra công nợ từ tháng 11 năm 2013 đến nay và được xác định là tiền nợ hàng không là không có căn cứ vì biên bản đối chiếu công nợ không thể hiện là tất toán từ các khoản nợ khác để cản trở thành nợ cước hàng không vì vậy không có căn cứ chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M phát biểu về việc chấp hành quy định tại bộ luật tố tụng dân sự của thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nêu trên. Nếu bị đơn không trả được thì ông O có trách nhiệm phải trả thay số tiền nêu trên cho nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2019/KDTM-ST ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ các Điều 4, Điều 50, 306, Điều 319 Luật Thương mại năm 2005
- Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

Buộc Công ty TNHH TD phải trả cho Công ty TNHH B tổng số tiền 9.205.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nếu Công ty TNHH TD không trả đủ số tiền trên thì ông O có trách nhiệm liên đới trả số tiền trên thay Công ty TNHH TD cho đến khi trả hết nợ.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 14/2016/QĐ-BPKCTT ngày 30/8/2016 về việc “Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ” và biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2016/QĐ-BPKCTT ngày 06/9/2016 về việc “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí:

Buộc Công ty TNHH TD phải nộp số tiền án phí là 117.205.000 đ. Hoàn lại cho Công ty B số tiền tạm ứng án phí 57.521.229đ đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0022591 ngày 15/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, thời hạn kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 17/5/2019, Bị đơn có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Nội dung kháng cáo: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 17/5/2019, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan-ông O có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Nội dung kháng cáo: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm về việc không chấp nhận yêu cầu buộc ông O phải liên đới trách nhiệm trả nợ thay cho bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Xin rút lại phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông O liên đới trách nhiệm trả nợ. Riêng các nội dung khởi kiện khác thì đề nghị giữ y bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn : Đề nghị giữ y bản án sơ thẩm và đề nghị chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện mà Nguyên đơn rút.

Bị đơn trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn thì bị đơn chỉ chấp nhận còn nợ số tiền là 45.644,86 USD. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn : Đề nghị hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm đã giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông O: Xin rút đơn kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của Bị đơn. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận các khoản tiền theo cuốn sổ ghi nhận chi tiết các khoản tiền mà bị đơn đã thanh toán cho Nguyên đơn tương ứng với từng vận đơn liệt kê tại bản đối chiếu công nợ ngày 22/02/2016 để trừ vào khoản tiền cước phát sinh theo hợp đồng. Cụ thể do Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét đối chiếu. Đề nghị đình chỉ xét xử đối với yêu cầu mà nguyên đơn rút và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo mà ông O đã rút tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết*: Căn cứ vào đơn khởi kiện của Nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì có cơ sở xác định việc khởi kiện của Nguyên đơn là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại Quận M thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận M căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý giải quyết là có cơ sở.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] Xét hình thức và nội dung của hợp đồng nêu trên được ký giữa Công ty TD và Công ty B, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự đều thừa nhận tham gia ký hợp đồng vận chuyển ngày 05/0/2015 về việc thực hiện cung ứng dịch vụ vận chuyển. Hình thức của các hợp đồng phù hợp Điều 74 Luật Thương mại năm 2005 quy định về hình thức hợp đồng dịch vụ. Nội dung dịch vụ mà các bên giao kết thực hiện không vi phạm điều cấm pháp luật không trái đạo đức xã hội. Do vậy, bản án sơ thẩm nhận định cho rằng các hợp đồng nêu trên được giao kết đúng quy định pháp luật nên công nhận các hợp đồng nêu trên và ràng buộc trách nhiệm pháp lý của hai bên là có cơ sở.

[2.2] Về kháng cáo của bị đơn đề nghị xem xét lại khoản công nợ mà đôi bên ký kết vào ngày 22/2/2016 vì cho rằng bị đơn đã thanh toán nhưng không được nguyên đơn trừ vào khoản nợ này. **Xét thấy**: Trong quá trình xét xử tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự đều xác định cơ sở để đối chiếu công nợ là cuốn sổ liệt kê các khoản cước vận chuyển phát sinh từ hợp đồng dịch vụ vận chuyển mà Nguyên đơn thực hiện trên từng vận đơn cũng như các khoản tiền mà Bị đơn đã thanh toán cho Nguyên đơn tương ứng với từng vận đơn. Các khoản nợ này là nợ cước vận chuyển phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng vận chuyển mà các bên giao kết ngày 05/1/2015 được thể hiện tại các vận đơn. Các bên đương sự không tranh chấp nội dung liệt kê tại cuốn sổ và cũng thừa nhận cuốn sổ này đã được Nguyên đơn và Bị đơn tiếp cận công khai tại Tòa án. Riêng Bảng đối chiếu công nợ ngày 22/2/2016 do nguyên đơn xuất trình thì tuy phía bị đơn phủ nhận chữ ký nhưng tại kết luận giám

định của Viện khoa học hình sự thuộc Bộ công an đã xác định đúng chữ ký của Nguyên đơn. Do vậy đây là những chứng cứ hợp lệ để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét. Theo Bản đối chiếu công nợ ngày 22/2/2016 thì khoản nợ được phát sinh từ cước vận chuyển của 38 vận đơn tổng cộng là 309.205,60 USD, Bị đơn đã thanh toán 4.477 USD cho vận đơn số 60763176632 ngày 29/5/2015, còn nợ tổng cộng là 304.708,60 USD. Toàn bộ 37 vận đơn còn lại tổng nợ cước là 304.708,6 USD chưa được thanh toán. Đối chiếu bản công nợ trên với cuốn sổ liệt kê các khoản chi phí phát sinh do chính Nguyên đơn cung cấp và được phía Bị đơn thừa nhận cho thấy Bị đơn đã thanh toán tính đến ngày 22/2/2016 tổng cộng là 190.155,89 USD các khoản tiền thanh toán này có chữ ký xác nhận của ông Đào Hiền D là đại diện theo pháp luật của Nguyên đơn. Tuy nhiên tại bản đối chiếu công nợ ngày 22/2/2016 thì đôi bên không liệt kê các khoản tiền đã thanh toán này. Hơn nữa tại đơn khởi kiện thì nguyên đơn xác định khởi kiện đối với hợp đồng ký kết ngày 05/01/2015 và khoản công nợ phát sinh từ hợp đồng nhưng nguyên đơn lại giải trình cho rằng khoản công nợ bao gồm cả những khoản nợ trước khi ký hợp đồng từ năm 2012 đến khi ký hợp đồng và bản án sơ thẩm chấp nhận xem xét là đánh giá không đúng chứng cứ có trong hồ sơ. Việc bị đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại khoản nợ tại bản đối chiếu công nợ ngày 22/2/2016 là có cơ sở. Như vậy qua xem xét đối chiếu các chứng cứ do các bên cung cấp thì Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoản tiền cước mà phía Nguyên đơn khởi kiện phát sinh từ 38 vận đơn lập từ ngày 28/5/2015 đến ngày 29/12/2015 được liệt kê tại bản đối chiếu công nợ ngày 22/2/2016 tổng cộng là 309.205,60 USD. Từ ngày 27/7/2015 đến ngày đối chiếu công nợ là ngày 22/2/2016 thì Bị đơn đã thanh toán tổng cộng là 190.155,89 USD nên còn nợ lại là 119.049,71 USD (khoản nợ này chưa bao gồm khoản tiền 882,35 USD mà bị đơn đã thanh toán vào ngày 03/3/2016 tức sau khi đối chiếu công nợ được thể hiện tại sổ liệt kê). Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn xác nhận sau ngày đối chiếu công nợ tính đến ngày 04/9/2016 thì bị đơn có trả thêm 17.812,38 USD (đã bao gồm khoản tiền 882,35 USD mà bị đơn đã thanh toán vào ngày 03/3/2016). Bị đơn cũng xác nhận khoản tiền thanh toán thêm này nên Hội đồng xét xử có căn cứ để xác nhận khoản nợ còn lại mà bị đơn chưa thanh toán là 101.337,33 USD (119.049,71 - 17.812,38). Bản án sơ thẩm chấp nhận trình bày của Nguyên đơn và ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn để xác nhận công nợ là 286.896,22 USD là không chính xác không phù hợp với chứng cứ khách quan có trong hồ sơ. Kháng cáo của Bị đơn và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn cho rằng chỉ còn nợ tổng cộng 45.644,86 USD là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ chấp nhận một phần kháng cáo của Bị đơn như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

[2.3] Về tỉ giá ngoại tệ làm căn cứ quy đổi: Nguyên đơn yêu cầu tính theo tỷ giá là 23.250 VNĐ/USD. Đối chiếu với tỷ giá ngoại tệ là 23.275 VNĐ/1USD của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam ngày 08/5/2019 thì tỉ giá ngoại tệ theo yêu cầu của Nguyên đơn thấp hơn tỷ giá của ngân hàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm nên bản án sơ thẩm chấp nhận tỷ giá do nguyên đơn yêu cầu là phù hợp. Như vậy số nợ 101.337,33 USD sẽ tương đương 2.356.093.920 đồng (101.337,33 USD x 23.250 VNĐ).

[2.4] Về tiền lãi do chậm thanh toán: Đối với yêu cầu buộc bên Bị đơn phải trả tiền lãi do chậm trả theo lãi suất tương đương 1% một tháng. **Xét thấy:** yêu cầu này của Nguyên đơn là có cơ sở phù hợp với thoả thuận của các đương sự tại hợp đồng vận chuyển và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 quy định về quyền yêu cầu tiền lãi do

chậm thanh toán. Mức lãi suất mà Nguyên đơn yêu cầu cũng thấp hơn mức lãi suất trung bình 03 ngân hàng gồm Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 16,5%, là có lợi cho Bị đơn nên bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về tiền lãi và mức lãi suất là có cơ sở. Tuy nhiên do khoản nợ gốc được xác định lại nên khoản lãi chậm trả cũng được xác định lại. Cụ thể tiền lãi được tính từ ngày đối chiếu công nợ đến ngày xét xử sơ thẩm 08/5/2019 làm tròn 38 tháng là: $2.356.093.920 \text{ đ} \times 1\% \times 38 \text{ tháng} = 895.315.310 \text{ đồng}$

Từ phân tích trên, xét thấy việc Nguyên đơn khởi kiện cho rằng Bị đơn còn nợ khoản nợ theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 22/2/2016 nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh khoản nợ đã được đối chiếu chính xác cũng như khoản nợ này phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc buộc Bị đơn phải trả lại khoản nợ cùng tiền lãi phát sinh từ hợp đồng vận chuyển ngày 05/1/2015 tổng cộng là 9.205.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là không có căn cứ pháp luật. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của Bị đơn sửa một phần bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa. Buộc bị đơn phải trả cho Nguyên đơn số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng vận chuyển do hai bên xác lập ngày 05/01/2015 tổng cộng 3.251.409.203 đồng bao gồm nợ gốc là 2.356.093.920 và lãi do chậm nghĩa vụ thanh toán là 895.315.310 đồng.

[2.5] Về ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm đã giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không chứng minh được ý kiến trình bày của mình là có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[2.6] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đã xin rút lại phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông O liên đới trách nhiệm trả nợ. Phía ông O cũng đồng ý rút lại yêu cầu kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 289 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo mà ông O đã rút.

[3] Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 14/2016/QĐ-BPKCTT ngày 30/8/2016 về việc “Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ” và biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2016/QĐ-BPKCTT ngày 06/9/2016 về việc “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì Nguyên đơn phải chịu án phí là 113.953.000 đồng tính trên số tiền yêu cầu tranh chấp là 5.953.590.770 đồng nhưng không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 97.028.184 đồng trên số tiền phải trả cho Nguyên đơn là 3.251.409.203 đồng.

[4.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm. Ông O phải chịu án phí phúc thẩm theo Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Do tại hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc trả lãi và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu lãi 12%/năm. Phía Bị đơn không phản đối nên nên căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 12%/ năm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 289 và khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Bị đơn - **Công ty TNHH TD**. Sửa một phần bản án sơ thẩm như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Công ty TNHH B về việc : Buộc Công ty TNHH TD phải trả cho Công ty TNHH B khoản nợ phát sinh từ hợp đồng vận chuyển do đôi bên xác lập ngày 05/01/2015 tổng cộng 3.251.409.203 đồng bao gồm : nợ gốc là 2.356.093.920 và lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 895.315.310 đồng. Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể kể từ ngày tiếp theo của ngày xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 12%/ năm.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 14/2016/QĐ-BPKCTT ngày 30/8/2016 về việc “Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ” và biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2016/QĐ-BPKCTT ngày 06/9/2016 về việc “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH B đòi Công ty TNHH TD phải trả số tiền 5.953.590.770 đồng.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Oliên đới trách nhiệm trả nợ.

5. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông O.

6. Về án phí:

6.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH B phải chịu án phí là 113.953.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.521.229 đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0022591 ngày 15/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH B còn phải nộp thêm số tiền là 56.431.771 đồng.

- Công ty TNHH TD chịu án phí là 97.028.184 đồng.

6.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Công ty TNHH TD được hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0000223 ngày 04/6/2019 và AA/2019/0000666 ngày 15/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M TP. Hồ Chí Minh.

- Ông O phải chịu án phí là 2.000.000 đồng. Ông O đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số AA/2019/0000224 ngày 04/6/2019 và AA/2019/0000665 ngày 15/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M TP. Hồ Chí Minh.

Các bên thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- Cục THADS TP HCM;
- TAND Quận M;
- Chi cục THADS Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Thủy